TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2026
V/v tranh chấp:"Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhan .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Phú, bà Nguyễn Thị Bích Nga

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 443/2025/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55A/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 15/10/1988; ĐKHKTT: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là thôn T, xã N, thành phố Hải Phòng); Hiện cư trú tại: Số A ngõ C L, phường H, thành phố Hải Phòng. CCCD số 038188040586.

- **Bị đơn**: Anh Phạm Văn K, sinh ngày 02/7/1986; ĐKHKTT: Thôn H, H, N, Hải Dương (nay là thôn T, xã N, thành phố Hải Phòng); Hiện cư trú tại: Số A ngõ C L, phường H, thành phố Hải Phòng. CCCD số 030086009542.

Chị T, anh K đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn K được tự do tìm hiểu nhau một thời gian thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã N, thành phố Hải Phòng) ngày 27/01/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, anh K không chịu khó làm ăn và không có trách nhiệm với gia đình.

Mặc dù gia đình hai bên đã khuyên giải, động viên nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh K; Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 15/4/2011 và Phạm Thu P, sinh ngày 21/7/2016. Từ khi ly thân các con ở cùng chị. Do vậy khi ly hôn chị xin nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con; Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn K trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn thống nhất như chị T trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bình thường không có việc đánh cãi chửi nhau, chỉ có điều do anh đi làm ăn xa nhà và sau đó có vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án không thể quan tâm chăm sóc được cho gia đình nên có thể là lý do khiến chị T xin ly hôn anh. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí ly hôn. Nếu chị T cương quyết xin ly hôn, anh cũng đồng ý; Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 15/4/2011 và Phạm Thu P, sinh ngày 21/7/2016. Anh nhất trí việc chị T xin nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con; Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; Vợ chồng không có nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh sẽ cố gắng thu xếp để đến tham gia phiên tòa, trường hợp không đến được anh xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại văn bản trình bày của cháu Phạm Gia H và Phạm Thu P: Các cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị Tl - mẹ đẻ anh K thể hiện: Chị T, anh K có mâu thuẫn tuy nhiên anh chị không chung sống cùng bà nên không nắm được nguyên nhân cụ thể. Anh K đã gọi điện cho bà trao đổi việc anh nhất trí việc chị T xin ly hôn và xin được nuôi con. Về con chung để nghị Toà án xem xét giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Chị T, anh K có tài sản gì chung, nợ chung không bà không nắm được. Anh chị không có công sức đóng góp cho gia đình bà.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T ly hôn với anh K; Về con chung: Giao cháu Phạm Gia H, sinh ngày 15/4/2011 và cháu Phạm Thu P, sinh ngày 21/7/2016 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh K không

phải cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh K đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường X, thành phố Hải Phòng, tạm trú tại phường L và hiện sinh sống tại phường H, thành phố Hải Phòng, đồng ý Toà án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng giải quyết vụ án. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng; Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh K được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Lời khai chị T phù hợp với lời khai người làm chứng thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tin tưởng, yêu thương, chăm sóc nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin ly hôn anh K. Anh K xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn. Bản thân chị T cương quyết ly hôn, anh K cũng không đưa được giải pháp gì để vợ chồng đoàn tụ và có quan điểm trường hợp chị T kiên quyết ly hôn anh cũng đồng ý, điều đó thể hiện anh K không thực sự thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Như vậy cần xử cho chị T ly hôn anh K là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 15/4/2011 và Phạm Thu P, sinh ngày 21/7/2016, chị T có nguyện vọng nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, anh K cũng đồng ý. Hai cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn. Do vậy để đảm bảo sự ổn định cho các cháu cần giao cháu cả hai con cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Tình tự N không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Chị T, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại điểm a mục 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Phạm Văn K.

- Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Phạm Gia H, sinh ngày 15/4/2011 và Phạm Thu P, sinh ngày 21/7/2016 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh K có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005781 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 – Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 – Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND xã Ninh Giang, TP Hải Phòng (ĐKKH ngày 27/01/2011);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhan